

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 09-5-2022

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM – TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Vàng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thúy Kiều

Ông Nguyễn Việt Trường

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Tân, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Thân Mến - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 106/2021/TLST – HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2021 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 22/3/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 64/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12/4/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần L, sinh năm 1993 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã L, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Ông Dương C, sinh năm 1993 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm A, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ *Tại đơn khởi kiện lập ngày 05/5/2021 nguyên đơn bà Trần L trình bày:*

Về hôn nhân: Do quen biết nhau bà và ông Dương C được gia đình hai bên tổ chức đám cưới vào ngày 29/6/2012, đến ngày 17/10/2012 vợ chồng bà mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) thị trấn N (nay là UBND Phường B), thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

Lúc đầu chung sống thì vợ chồng bình thường, nhưng sau khi sinh con thứ nhất thì ông C nảy sinh ăn chơi cờ bạc, lô đề. Bà đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng ông C không sửa chữa. Đến khi sinh đứa con thứ hai thì ông C lại ăn chơi

nhieu hơn, có lần ông C đánh đập hành hạ bà. Bà vì con cái nên chịu đựng. Nhưng vì quá mức chịu nên bà và ông C đã ly thân với nhau từ ngày 18/3/2019 cho đến nay.

Hai vợ chồng bà sau khi cưới thì lên Bình Dương làm thuê, lúc còn sống chung thì hai vợ chồng làm chung công ty. Đến khi vợ chồng ly thân với nhau thì bà ra ngoài buôn bán, ông C thì làm chỗ này chỗ kia ở Bình Dương. Sau đó ông C đã về quê sống khoảng một năm nay, theo bà biết thì ông C không có đi làm ở đâu xa, chỉ sống ở nhà cha mẹ ruột là ông Dương R ở khóm A, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Mới Tết nguyên đán năm 2022, nhằm ngày mùng 5 Tết (tức là ngày 05/02/2022) ông C còn chở hai con của vợ chồng bà từ nhà nội tui nhỏ đi vô nhà cha mẹ ruột bà, đưa con về ngoại chơi.

Về con chung: Vợ chồng bà có 02 con chung là cháu Dương K, sinh ngày 05/12/2012, đang sống chung với ông C và cháu Dương GK, sinh ngày 23/12/2016, hiện đang sống chung với bà. Hai vợ chồng bà không tạo được tài sản chung cũng không có nợ chung vì hai đứa đi làm thuê để kiếm tiền nuôi con. Cháu K hiện đang sống bên nhà ông bà nội và ông C nhưng cháu K khi đi học cần gì thì bà đều gửi tiền về cho ông bà ngoại dẫn cháu K đi mua sắm, cuối tuần thì cháu K được ông bà nội đưa về bên nhà ngoại chơi với cháu GK hoặc có khi ông bà ngoại ra rước cháu K về chơi với em là GK. Sau khi nộp đơn vào Tòa án thì bà có hỏi nguyện vọng cháu K thì cháu K muốn sống với bà nên bà yêu cầu nuôi cháu K luôn.

Bà Trần L yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm xem xét giải quyết:

Về hôn nhân: Bà L yêu cầu ly hôn với ông Dương C.

Về con chung: Bà yêu cầu được nuôi cả hai đứa con chung Dương K, sinh ngày 05/12/2012, Dương GK, sinh ngày 23/12/2016, bà không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng: Bà không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

2/ Trong quá trình xét xử, bị đơn anh Dương C vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến cung cấp cho Tòa án cũng không đến Tòa án tham gia giải quyết vụ án.

3/ Theo biên bản về việc ghi nhận ý kiến con chung đối với cháu Dương K, sinh ngày 05/12/2012, cháu K trình bày như sau:

Cháu hiện nay đang học lớp 4, trường tiểu học N. Cháu hiện nay đang sống chung với nội và cha. Khi cha mẹ cháu ly hôn với nhau thì cháu muốn sống với mẹ vì mẹ thương yêu và lo lắng chăm sóc cháu nhiều hơn cha, việc cháu sống với mẹ là tự nguyện, không ai ép buộc cháu.

4/ Tại phiên tòa, vị Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ

các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Nguyên đơn vắng mặt và có yêu cầu giải quyết vắng mặt đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Còn phía bị đơn vắng mặt nhưng không có yêu cầu giải quyết vắng mặt là vẫn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm phát biểu về tính có căn cứ và hợp pháp của yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân đề nghị chấp nhận cho bà Trần L ly hôn với ông Dương C. Về con chung đề nghị giao hai con chung tên K và GK cho bà Trần L nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Bà L không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về nợ chung, tài sản chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn, các đương sự cũng không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Trần L vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn ông Dương C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do. Tại Tòa Kiểm sát viên yêu cầu tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và các khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ngày 29/6/2012 bà Trần L và ông Dương C được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới. Đến ngày 17/10/2012, bà L và ông C là những người có đầy đủ điều kiện kết hôn, ông bà tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện N (nay là Ủy ban nhân dân Phường B, thị xã N), tỉnh Sóc Trăng và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Do vậy quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông C là hợp pháp. Trong cuộc sống chung giữa vợ chồng, bà L cho rằng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, sau khi sinh con thứ nhất thì ông C nảy sinh ăn chơi cờ bạc, lô đề, bà đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng ông C không sửa chữa; Đến khi sinh đứa con thứ hai thì ông C lại ăn chơi nhiều hơn, có lần ông C còn đánh đập bà, bà vì con mà chịu đựng nhưng vì quá mức chịu nên bà và ông C đã ly thân với nhau từ ngày 18/3/2019 cho đến nay. Còn ông C quá trình tố tụng thì thường xuyên không có mặt tại nhà, không phản hồi ý kiến đến Tòa án. Tại phiên tòa hôm nay, theo đơn kiện của bà L vẫn giữ yêu cầu ly hôn với ông C. Xét thấy, nền tảng của mối quan hệ hôn nhân vững chắc là việc vợ chồng yêu thương nhau, quan tâm, chăm sóc nhau, tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau. Trong cuộc sống vợ chồng của bà L và ông C đã không còn sự quan tâm dành cho nhau, tình cảm vợ chồng giữa bà L và ông C đã không còn, tình trạng mâu thuẫn giữa hai người là trầm trọng không thể khắc phục, hôn nhân của bà L và ông C không có hạnh phúc và không thể kéo dài được nữa. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà L được ly hôn với ông C.

[3] Con chung: Bà Trần L và ông Dương C có hai con chung là cháu Dương K, sinh ngày 05/12/2012, cháu K hiện nay đang sống chung với ông C và cháu Dương GK, sinh ngày 23/12/2016, cháu GK đang sống chung với bà L. Bà L yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu GK; còn cháu K có nguyện vọng muốn sống chung với mẹ nên bà L yêu cầu được nuôi luôn cháu K. Còn ông C không có ý kiến hay yêu cầu gì về việc nuôi con chung.

[3.1] Đối với cháu Dương GK: Cháu GK hiện nay cũng còn nhỏ và đang sống với với mẹ nên đề ổn định môi trường sống cho cháu GK, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi cháu GK của bà L. Thống nhất giao cháu Dương GK, sinh ngày 23/12/2016 cho bà Trần L nuôi dưỡng đến đủ 18 (*mười tám*) tuổi.

[3.2] Đối với cháu Dương K: Theo như bà L trình bày thì cháu K đã sống chung với ông bà nội từ lớp 1, đến nay thì vẫn sống chung với ông bà nội và ông C. Vẫn được đi học. Tuy nhiên, cháu K, sinh ngày 05/12/2012 đến nay đã trên 07 tuổi và theo cháu K thể hiện nguyện vọng muốn được chung sống với mẹ (bà Ly) sau khi cha mẹ ly hôn với nhau vì cháu K cho rằng mẹ cháu quan tâm, lo lắng, thương yêu cháu nhiều hơn cha. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 “*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*”. Quá trình tố tụng thì ông C không thể hiện ý kiến hay yêu cầu về việc nuôi cháu K, cháu K thì có nguyện vọng được sống chung với mẹ, mẹ cháu K cũng có yêu cầu nuôi cháu K. Cho nên, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu K cho bà L nuôi dưỡng đến đủ 18 (*mười tám*) tuổi.

[3.3] Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Dương C, không ai được quyền ngăn cản hoặc cản trở ông C thực hiện hợp pháp quyền này.

[3.4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Bà L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Trần L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp. ông Dương C không phải chịu án phí.

[6] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm về hướng giải quyết vụ án nêu trong phần nội dung vụ án là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần L.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần L được ly hôn với ông Dương C.

2/ Về con chung: Giao cháu Dương K, sinh ngày 05/12/2012 và cháu Dương GK, sinh ngày 23/12/2016 cho bà Trần L chăm sóc, nuôi dưỡng đến đủ 18 (mười tám) tuổi. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Dương C, không ai được quyền ngăn cản hay cản trở. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: bà Trần L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3/ Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/ Về án phí sơ thẩm: bà Trần L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001011 ngày 30/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm. Như vậy, bà Trần L đã thực hiện xong phần án phí. ông Dương C không phải chịu án phí.

5/ Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đương sự cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Ngã Năm;
- CCTHADS thị xã Ngã Năm;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND Phường B, TXNN;
- Lưu VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký**

Đặng Thị Vàng